

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13-01-2023

"*V/v Ly hôn*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Diệm

2. Bà Nguyễn Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thẩm - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1977, (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nông Văn T, sinh năm: 1977, (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Nông Văn T tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 tại Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh H. Việc anh chị chung sống với nhau được hai bên gia đình

chấp nhận và được hàng xóm, bạn bè chứng kiến. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ đó cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã Vô Điểm, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang nơi anh chị cư trú, mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến đầu năm 2017 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống nên giữa anh chị thường xảy ra xô sát, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, việc ai người đấy làm, không quan tâm đến nhau. Nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nông Văn T .

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Nông Văn T xác nhận: Lời khai của chị N về thời điểm anh chị bắt đầu chung sống, về việc anh chị chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, thời điểm mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa anh chị và tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị đúng như lời trình bày của chị N. Hiện nay chị N có yêu cầu xin được ly hôn thì anh nhất trí.

Việc nuôi con: Anh chị đều khai nhận, quá trình chung sống anh chị có hai con chung, cháu Nông Văn D , sinh ngày 10/11/1997 và cháu Nông Thị D , sinh ngày 07/7/1999. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung và công nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 05/12/2022 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với đại diện UBND xã Vô Điểm, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang nơi anh Nông Văn T và chị Nguyễn Thị N sinh sống xác nhận về thời điểm anh chị bắt đầu chung sống, về việc anh chị chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn tại UBND xã Vô Điểm nơi anh chị cư trú, thời điểm mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa anh chị, tình trạng hôn nhân hiện nay và về con chung của anh chị đúng như lời trình bày của chị N.

Do chị Nguyễn Thị N và anh Nông Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn, nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã tiến hành xác minh và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện

đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nông Văn T ; về án phí, chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện “Ly hôn” với bị đơn là anh Nông Văn T , anh Nông Văn T cư trú tại thôn M, xã V, huyện B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N và bị đơn là anh Nông Văn T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn: Việc chị Nguyễn Thị N và anh Nông Văn T bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay được hai bên gia đình chấp nhận và được hàng xóm, bạn bè chứng kiến nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã Vô Điểm nơi anh chị cư trú thực hiện mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Lời khai của anh chị phù hợp với nhau và phù hợp với kết quả xác nhận về tình trạng hôn nhân của anh chị tại Ủy ban nhân dân xã Vô Điểm, huyện Bắc Quang nơi anh chị cư trú.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N cần được xử bằng một bản án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị là có cơ sở.

[2.2] *Về việc nuôi con:* Quá trình chung sống anh chị có hai con chung, cháu Nông Văn D , sinh ngày 10/11/1997 và cháu Nông Thị D , sinh ngày 07/7/1999. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] *Về chia tài sản chung:* Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Ngoài ra nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nông Văn T .

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0003219, ngày 18/11/2022 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Anh Nông Văn T không phải chịu án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Vô Điểm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Oanh Nguyễn Hồng Diệm

Đinh Thị Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh Nguyễn Hồng Diệm

Đinh Thị Hồng